

Số: 645 /QĐ-UBND

Pleiku, ngày 07 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Phú Thiện đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 04/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-UBND, ngày 21/4/2008 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Thiện tỉnh Gia Lai đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 168/TTr-KHĐT ngày 09 tháng 9 năm 2013.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Thiện tỉnh Gia Lai đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. Tên quy hoạch: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Thiện tỉnh Gia Lai đến năm 2020.

II. Quan điểm phát triển:

Phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Thiện đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với thị xã Ayun Pa, các huyện trong vùng và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai. Đồng thời tính đến yêu cầu của việc hợp tác và cạnh tranh mạnh mẽ với các địa phương trong vùng về sản xuất nông sản hàng hóa, chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng.

Khai thác tối đa, có hiệu quả nguồn nội lực và thu hút các nguồn ngoại lực, nâng cao nhịp độ và chất lượng tăng trưởng trong từng ngành, từng lĩnh vực. Từng bước rút ngắn khoảng cách về thu nhập bình quân đầu người của huyện so với trung bình toàn tỉnh, bảo đảm nền kinh tế huyện phát triển ổn định và bền vững.

Chú trọng phát triển kinh tế gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, xoá đói giảm nghèo, giảm bớt sự chênh lệch mức sống giữa các tầng lớp dân cư, giữa đô thị và nông thôn.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

III. Mục tiêu của quy hoạch:

Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2015 là 11,5%, trong đó: nông lâm ngư nghiệp tăng 5,9%, công nghiệp - xây dựng tăng 20,2%, dịch vụ

tăng 18,6%. Giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 11%, trong đó: nông lâm ngư nghiệp tăng 5,2%, công nghiệp – xây dựng tăng 14,9%, dịch vụ tăng 16,4%.

Giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt 44 triệu đồng/người/năm vào năm 2015 và 101 triệu đồng/người/năm vào năm 2020. Thu nhập bình quân đầu người đạt 23 triệu đồng/người/năm vào năm 2015 và đến năm 2020 đạt 55 triệu đồng/người/năm.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. Cơ cấu kinh tế của huyện đến năm 2015 và 2020 là nông nghiệp - công nghiệp xây dựng - dịch vụ. Đến năm 2015 có cơ cấu như sau: Khu vực nông lâm thủy sản 53,1%, khu vực công nghiệp - xây dựng 23,3% và khu vực dịch vụ 23,6%. Đến năm 2020: Khu vực nông lâm thủy sản 39,2%, khu vực công nghiệp - xây dựng 32,1% và khu vực dịch vụ là 28,7%.

Tốc độ phát triển dân số bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2015 là 1,76%, giai đoạn 2016-2020 là 1,38%.

Đến năm 2015 có 99% và năm 2020 có 100% trẻ em 5 tuổi được đi học mẫu giáo trước khi vào lớp 1. Đến năm 2015 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 25%, đến năm 2020 toàn huyện có 60% trường đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đạt trên 30% vào năm 2015 và trên 50% vào năm 2020.

Đến năm 2015 có 50% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia, có 2 bác sĩ/vạn dân, có 6,4 giường bệnh/vạn dân. Đến năm 2020 có 80% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia, có 4 bác sĩ/vạn dân, có 9,5 giường bệnh/vạn dân.

Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn dưới 19% vào năm 2015 và dưới 15% vào năm 2020, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 95% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020.

Đến năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 10% và đến năm 2020 giảm còn dưới 5%.

Đến năm 2015 có 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2020 trên 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, xây dựng gia đình và thôn buôn văn hoá, đến năm 2015 có 61% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, 70% thôn, làng đạt văn hoá, 61% cơ quan đạt tiêu chuẩn đơn vị văn hoá; đến năm 2020 có 90% gia đình và 95% thôn, làng, khu phố, 100% cơ quan đạt chuẩn văn hoá.

Đến năm 2020 có 100% cơ sở sản xuất xây dựng mới có công nghệ sạch.

IV. Nội dung quy hoạch

1. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

1.1 Ngành nông - lâm - thủy sản

Thời kỳ 2011-2020, cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày vẫn đóng vai trò quyết định chủ đạo trong sản xuất nông nghiệp.

Giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) ngành nông lâm thủy sản đến năm 2015 đạt 939 tỷ đồng, đến năm 2020 đạt 1.208,5 tỷ đồng. Tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất trong ngành nông lâm thủy sản giai đoạn 2011-2015 đạt 5,9%/năm, trong đó trồng trọt tăng 5,5%/năm, chăn nuôi tăng 7,5%/năm, dịch vụ nông nghiệp tăng 10%/năm, lâm nghiệp tăng 3,1%/năm, thủy sản tăng 4,2%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt tốc độ 5,2%/năm, trong đó: trồng trọt tăng 5%/năm, chăn nuôi tăng 6%/năm, dịch vụ tăng 7%/năm, lâm nghiệp tăng 3,4%/năm, thủy sản tăng 3,7%/năm.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển trồng trọt và chăn nuôi, đẩy mạnh hoạt động dịch vụ nông nghiệp, đến năm 2015 cơ cấu ngành trồng trọt-chăn nuôi-dịch vụ nông nghiệp là

